

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 21-6-2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Đông;

Ông Võ Tấn Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 97/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1991 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số X, ấp An H, xã An Thạnh T, huyện Chợ M, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1987 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Y, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/02/2021, bản tự khai đề ngày 17/02/2021 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc L có lời trình bày:

Bà và ông Nguyễn Minh T quen biết, tìm hiểu nhau, tự nguyện tiến tới hôn nhân, ngày 16/02/2017 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do không tôn trọng nhau, tính tình không hợp, thường xảy ra bất hòa, không giải quyết được, cả hai cố hàn gắn nhưng không thể sống chung được nên đã ly thân từ đó đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T. Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Thị

Ngọc T, sinh ngày 24/10/2015 hiện đang sống cùng mẹ, bà L có nguyện vọng được nuôi con chung đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại đơn yêu cầu không tiến hành mở phiên họp hòa giải và xét xử vắng mặt đề ngày 27/5/2021 bị đơn ông Nguyễn Minh T có lời trình bày:

Ông biết việc bà L nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì để yêu cầu ly hôn với ông. Ông thống nhất nội dung trình bày của bà L trong đơn khởi kiện về quan hệ hôn nhân, con chung, không tài sản chung và nợ chung. Vợ chồng đã tự thỏa thuận với nhau, ông đồng ý ly hôn với bà L, về con chung đồng ý nhường quyền nuôi con cho bà L được quyền nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 24/10/2015, ông không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đương sự yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con chung, quan hệ tranh chấp được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, 56, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự đều có đơn yêu cầu được giải quyết vắng mặt, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc L và bị đơn ông Nguyễn Minh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn thể hiện ngày 16/02/2017 bà Nguyễn Thị Trúc L và ông Nguyễn Minh T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh T, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng, đương sự trình bày kết hôn trên cơ sở tự nguyện, do vậy hôn nhân này là hợp pháp. Qua lời trình bày của đương sự thể hiện, trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn dẫn đến đã ly thân không còn sống chung, mạnh ai nấy sống, không quan tâm lo lắng cho nhau, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà L và ông T đều thống nhất ly hôn, xét thấy đây là ý chí tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận, giải quyết cho bà L, ông T được ly hôn với nhau.

[3] Về con chung: Vợ chồng thống nhất có một con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 24/10/2015, hiện con đang sống với bà L. Bà L có nguyện vọng được nuôi con, ông T cũng đồng ý giao con cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Xét thấy, đây là sự thỏa thuận của đương sự về quyền nuôi con, đương sự đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Do vợ chồng đã tự thỏa thuận việc nuôi con chung cũng như không yêu cầu cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà L, ông T, giao cháu Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 24/10/2015 cho bà Nguyễn Thị Trúc L tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Trúc L và ông Nguyễn Minh T thống nhất trình bày không có và không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà L là người xin ly hôn phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

[6] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Trúc L được ly hôn với ông Nguyễn Minh T.

2. Về quyền nuôi con: Giao cho bà Nguyễn Thị Trúc L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 24/10/2015 đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

4. Án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Trúc L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0008384 ngày 12/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng, bà L đã nộp đủ án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. (Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- UBND xã Thạnh T;
- Dương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Nghiệp